

**TRƯỜNG THPT BÙI HỮU NGHĨA
TỔ SỬ- ĐỊA- GDKT&PL**

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KỲ I, MÔN GDKT&PL KHỐI 12
NĂM HỌC 2025 – 2026**

- **Hình thức kiểm tra:** 100% trắc nghiệm
- **Thời gian làm bài:** 45 phút
- **Nội dung kiểm tra:**

**BÀI 1:
TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

1. Tăng trưởng kinh tế và các chỉ tiêu của tăng trưởng kinh tế

a. Tăng trưởng kinh tế là gì

Tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng về **quy mô sản lượng của một nền kinh tế** trong một thời kì nhất định so với thời kì gốc.

(Sự gia tăng đó được thể hiện trong quy mô và tốc độ. Trong đó, quy mô và tốc độ tăng trưởng thể hiện sự thay đổi nhanh hay chậm giữa các thời kì)

b. Các chỉ tiêu của tăng trưởng kinh tế

- Tổng sản phẩm quốc nội (GDP)
- Tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người (GDP/người)
- Tổng thu nhập quốc dân (GNI)
- Tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người (GNI/người)

2. Phát triển kinh tế và các chỉ tiêu của phát triển kinh tế

a. Phát triển kinh tế là gì

Phát triển kinh tế là sự tăng tiến về mọi mặt của một nền kinh tế trong một thời gian nhất định. Bao gồm **tăng trưởng kinh tế ổn định và dài hạn** gắn liền với **sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý** và **đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội**.

b. Các chỉ tiêu của phát triển kinh tế

- **Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế:** Sự gia tăng về GDP, GDP/người, GNI, GNI/người
- **Chỉ tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực:** tỉ trọng của các ngành công nghiệp, dịch vụ trong GDP tăng lên, tỷ trọng của ngành nông nghiệp giảm đi.
- **Chỉ tiêu về tiến bộ xã hội:** Chỉ số phát triển con người HDI tăng, chỉ số đói nghèo và chỉ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (hệ số Gini) giảm.

c. Phân biệt giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế

- Tăng trưởng kinh tế chỉ là sự thay đổi về lượng của nền kinh tế, là điều kiện, tiền đề cho phát triển kinh tế nhưng không phải chỉ tăng trưởng kinh tế đã đạt được phát triển kinh tế.
- Phát triển kinh tế có phạm vi rộng lớn, toàn diện hơn bao hàm cả tăng trưởng kinh tế lẫn chuyển dịch cơ cấu và tiến bộ xã hội.
- Trên cơ sở những kết quả đạt được về phát triển kinh tế, quốc gia luôn hướng tới mục tiêu tiến bộ xã hội, đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.

3. Vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế

- Là tiền đề vật chất để giảm bớt tình trạng nghèo đói.
- Làm cho mức thu nhập của dân cư tăng, phúc lợi xã hội và chất lượng cuộc sống của cộng đồng được cải thiện.
- Tạo điều kiện giải quyết công ăn việc làm.
- Tạo tiền đề vật chất để củng cố an ninh quốc phòng, chế độ chính trị, tăng uy tín và vai trò quản lí của Nhà nước đối với xã hội.
- Tạo điều kiện tiên quyết để khắc phục sự tụt hậu so với các quốc gia khác.

4. Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững

Phát triển bền vững là quá trình phát triển có sự kết hợp hợp lí, hài hòa giữa ba mặt: **phát triển kinh tế** (nhất là tăng trưởng kinh tế); **phát triển xã hội** (thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm) và **bảo vệ môi trường** (xử lí, khắc phục ô nhiễm, khai thác hợp lí và sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên).

Tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững có mối quan hệ chặt chẽ với nhau:

- Tăng trưởng kinh tế là **nội dung cơ bản, điều kiện cần** của phát triển bền vững là điều kiện vật chất để nâng cao mức sống của nhân dân, thực hiện nhiều mục tiêu kinh tế xã hội.
- Tăng trưởng kinh tế mà không chú trọng đến phát triển bền vững sẽ dẫn đến những hậu quả như: môi trường ô nhiễm, tài nguyên thiên nhiên bị cạn kiệt; phân hoá giàu nghèo; sự bất bình đẳng; ảnh hưởng xấu đến văn hoá truyền thống, đạo đức, lối sống,... tạo ra những tác động tiêu cực, cản trở tiến trình phát triển bền vững của quốc gia.
- Phát triển bền vững tạo điều kiện giữ vững ổn định chính trị, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

BÀI 2: HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

1. Khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế và sự cần thiết của hội nhập kinh tế quốc tế

a. Khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế

Hội nhập kinh tế quốc tế: Là quá trình một quốc gia thực hiện **gắn kết nền kinh tế** của mình với nền kinh tế của các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới dựa trên sự chia sẻ lợi ích, đồng thời tuân thủ các chuẩn mực chung của quốc tế.

b. Sự cần thiết của hội nhập kinh tế quốc tế

- Trong điều kiện toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế là xu thế tất yếu của thời đại, nhu cầu phát triển của mọi quốc gia. (Vì các mối liên kết quốc tế của sản xuất và trao đổi hàng hóa ngày càng gia tăng, khiến cho nền kinh tế của các quốc gia trở thành **một bộ phận hữu cơ và không thể tách rời** của kinh tế toàn cầu. Do đó, hội nhập kinh tế quốc tế trở thành tất yếu khách quan là phương thức phát triển phổ biến của các quốc gia).

- Hội nhập kinh tế quốc tế giúp mỗi quốc gia mở rộng thị trường, thu hút vốn đầu tư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế.

- Tạo ra nhiều cơ hội việc làm và nâng cao thu nhập của các tầng lớp dân cư.

- Đối với các nước đang phát triển, tạo cơ hội tiếp cận và sử dụng các nguồn lực bên ngoài như vốn, nguồn lao động, khoa học – công nghệ, kinh nghiệm quản lý... cho quá trình phát triển của mình, rút ngắn khoảng cách tụt hậu đối với các nước tiên tiến trên thế giới và phát huy những lợi thế của mình trong phân công lao động quốc tế.

2. Các hình thức của hội nhập kinh tế quốc tế

Hội nhập kinh tế quốc tế thể hiện ở nhiều cấp độ khác nhau:

a. Hội nhập kinh tế song phương

Là quá trình liên kết, hợp tác giữa hai quốc gia dựa trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau nhằm thiết lập quan hệ kinh tế thương mại giữa các bên.

Hình thức: Hai nước ký kết thực hiện các chính sách và biện pháp mở cửa thị trường bằng: các hiệp định song phương về thương mại và kinh tế đầu tư.

(Ví dụ: Việt Nam đã ký kết các hiệp định thương mại song phương với nhiều quốc gia trên thế giới như: Hiệp định Đối tác kinh tế Việt Nam - Nhật Bản năm 2009, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc năm 2015,...)

b. Hội nhập kinh tế khu vực

Là quá trình liên kết, hợp tác giữa các quốc gia trong một khu vực có những điều kiện địa lí, kinh tế, chính trị, xã hội hoặc có chung mục tiêu, lợi ích phát triển cam kết với nhau mở cửa thị trường cùng hội nhập trên một số lĩnh vực kinh tế thương mại.

Hình thức: Thông qua các Tổ chức kinh tế khu vực, các Diễn đàn hợp tác kinh tế khu vực, Hiệp định đối tác kinh tế,...

(Ví dụ: Việt Nam đã chủ động tham gia các hình thức hội nhập kinh tế khu vực như: Cộng đồng kinh tế ASEAN, Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu,...)

c. Hội nhập kinh tế toàn cầu

Là các quốc gia trên thế giới, cùng tạo ra các thỏa thuận thông qua các tổ chức kinh tế toàn cầu nhằm cải thiện thương mại và kinh tế giữa các quốc gia.

Hình thức: Hội nhập sâu rộng nhất của nền kinh tế quốc gia với nền kinh tế thế giới, tạo thêm nhiều cơ hội để hợp tác với nhiều quốc gia, tổ chức, khu vực trên toàn thế giới,...

(Ví dụ: Việt Nam đã tích cực, chủ động tham gia các tổ chức kinh tế toàn cầu như: Liên hợp quốc, Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Quỹ tiền tệ Quốc tế, Ngân hàng thế giới,...)

* Hội nhập kinh tế quốc tế thể hiện thông qua các hình thức đa dạng của các hoạt động kinh tế quốc tế như: thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, các dịch vụ thu ngoại tệ,...

Lưu ý:

- Về cấp độ hội nhập: + Hội nhập song phương.
 - + Hội nhập kinh tế khu vực.
 - + Hội nhập kinh tế toàn cầu.
- Về mức độ hội nhập (từ thấp đến cao): + Thỏa thuận thương mại.
 - + Hiệp định thương mại tự do
 - + Liên minh thuế quan.
 - + Thị trường chung.
 - + Liên minh kinh tế - tiền tệ.
- Về hình thức đa dạng gồm: + Thương mại quốc tế
 - + Đầu tư quốc tế
 - + Dịch vụ thu ngoại tệ.

3. Trách nhiệm của công dân trong hội nhập kinh tế quốc tế

- Tin tưởng và chấp hành chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước.
- Tích cực học tập, nâng cao trình độ, kỹ năng của bản thân.
- Thể hiện ý thức dân tộc, phát huy nét đẹp truyền thống văn hóa, có thái độ hữu nghị, hợp tác, đoàn kết, lịch sự, tế nhị.
- Thúc đẩy sự phát triển các ngành kinh tế có hàm lượng khoa học – kỹ thuật – công nghệ cao.

* **Đường lối, chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng:** thực hiện nhất quán đường lối, chính sách đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế; lấy lợi ích quốc gia dân tộc làm cơ sở hàng đầu cho mọi chính sách; chủ động hội nhập, dựa vào nguồn lực trong nước là chính, đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài; hội nhập kinh tế quốc tế là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn dân.

* **Chính sách cụ thể của Nhà nước:** Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, cải cách hành chính; Không ngừng cải thiện thu hút đầu tư nước ngoài; Gia tăng mức độ liên kết giữa các tỉnh, vùng, phát huy thế mạnh của từng địa phương, khuyến khích tạo điều kiện các địa phương chủ động tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; Thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế.

BÀI 3: BẢO HIỂM

1. Khái niệm bảo hiểm và một số loại hình bảo hiểm

a. Khái niệm bảo hiểm

Bảo hiểm là một dịch vụ tài chính thông qua đó người tham gia bảo hiểm sẽ đóng phí bảo hiểm cho bên cung cấp dịch vụ bảo hiểm để được hưởng bồi thường, chi trả bảo hiểm cho những thiệt hại mà người tham gia bảo hiểm hoặc người thứ ba phải gánh chịu khi rủi ro hay sự kiện bảo hiểm xảy ra.

b. Một số loại hình bảo hiểm

- **Bảo hiểm xã hội:** là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm, đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi lao động trên cơ sở đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội.

+ Chủ thể thực hiện: Cơ quan Nhà nước thành lập

+ Bao gồm: Bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm xã hội không bắt buộc.

- **Bảo hiểm thất nghiệp:** là sự bảo đảm được bù đắp một phần thu nhập, hỗ trợ học nghề, duy trì và tìm kiếm việc làm cho người lao động khi bị mất việc làm trên cơ sở đóng góp vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp

+ Chủ thể thực hiện: Cơ quan Nhà nước thành lập

- **Bảo hiểm y tế:** Là sự bảo đảm được chi trả, bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí khám chữa bệnh cho người tham gia nhằm chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh nếu chẳng may bị ốm đau, bệnh tật... trên cơ sở đóng phí vào quỹ bảo hiểm y tế.

+ Chủ thể thực hiện: Cơ quan Nhà nước thành lập

+ Bao gồm: Bảo hiểm y tế bắt buộc và bảo hiểm y tế tự nguyện.

- **Bảo hiểm thương mại:** Là hoạt động kinh doanh bảo hiểm trên thị trường bảo hiểm mà các tổ chức bảo hiểm chấp nhận rủi ro của người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm trên cơ sở bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm cho mình hay cho bên thứ ba theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.

+ Chủ thể thực hiện: Tổ chức kinh doanh, doanh nghiệp bảo hiểm (công ty bảo hiểm).

+ Bao gồm: Bảo hiểm tài sản, bảo hiểm con người, bảo hiểm trách nhiệm dân sự.

2. Vai trò của bảo hiểm

* **Đối với người tham gia bảo hiểm:** Cung cấp các khoản bồi thường hoặc trợ cấp góp phần ổn định đời sống, khôi phục sản xuất kinh doanh khi gặp rủi ro.

* **Đối với sự phát triển kinh tế - xã hội**

- **Về Kinh tế:** góp phần chuyển giao rủi ro, là một kênh huy động vốn để phát triển kinh tế-xã hội, ổn định và tăng thu ngân sách nhà nước, thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế.

- **Về xã hội:** Giảm thiểu tổn thất, đảm bảo an toàn cho cuộc sống của con người; góp

phần hình thành lối sống tiết kiệm trong xã hội; góp phần tạo công ăn việc làm, giảm thất nghiệp trong nền kinh tế.

* **Đối với Nhà nước:** Góp phần vào ngân sách giúp nhà nước ổn định xã hội và thúc đẩy kinh tế phát triển.

3. Công dân cần làm gì để phát huy trách nhiệm của bản thân trong lĩnh vực BH

- Nhận thức đúng đắn về quyền và nghĩa vụ khi tham gia thị trường bảo hiểm.
- Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo hiểm.
- Ủng hộ những hành vi chấp hành chủ trương, chính sách pháp luật về bảo hiểm.
- Xây dựng lối sống tiết kiệm, tích cực tham gia bảo hiểm.
- Tuyên truyền đến cộng đồng xã hội về các lợi ích do việc tham gia bảo hiểm đem lại.
- Phê phán những hành vi trục lợi từ bảo hiểm.

BÀI 4: AN SINH XÃ HỘI

1. Khái niệm và một số chính sách an sinh xã hội

a. Khái niệm chính sách an sinh xã hội

An sinh xã hội là hệ thống các chính sách can thiệp của nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện nhằm giảm mức độ nghèo đói, nâng cao năng lực tự bảo vệ của người dân và xã hội trước những rủi ro hay nguy cơ giảm hoặc mất thu nhập, bảo đảm ổn định, phát triển và công bằng xã hội.

b. Một số chính sách an sinh xã hội

Hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam bao gồm các chính sách cơ bản sau:

* **Chính sách việc làm, bảo đảm thu nhập tối thiểu và giảm nghèo bền vững, tăng cường việc làm cho người lao động yếu thế:** Tăng cơ hội việc làm, đảm bảo thu nhập tối thiểu và giảm nghèo bền vững cho người lao động yếu thế.

* **Chính sách Bảo hiểm xã hội:** Giúp người lao động và gia đình của họ phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro, ổn định cuộc sống khi thu nhập bị giảm hoặc mất khi gặp phải rủi ro trong quá trình lao động như: Ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, hưu trí, tử tuất.

* **Chính sách trợ giúp xã hội:** Hỗ trợ thường xuyên đối với những người có hoàn cảnh đặc thù (người cao tuổi, người khuyết tật nặng, trẻ mồ côi) và hỗ trợ đột xuất cho người dân nhanh chóng ổn định cuộc sống khi gặp các rủi ro (thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh)

* **Chính sách dịch vụ xã hội cơ bản:** Hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, thông tin,... ở mức tối thiểu

2. Vai trò của an sinh xã hội

* **Đối với đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội:**

- Hỗ trợ người dân chủ động ngăn ngừa, giảm thiểu, khắc phục rủi ro do các biến cố trong cuộc sống.

- Trợ giúp xã hội cho những đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương khi không có khả năng tạo thu nhập.

* **Đối với sự phát triển kinh tế - xã hội:**

- Góp phần nâng cao chất lượng đời sống người dân, từng bước thúc đẩy kinh tế - XH phát triển.

- Đóng góp vào sự ổn định chính trị - xã hội và phát triển kinh tế bền vững, thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa.

* **Đối với Nhà nước:**

- Giải quyết tốt các vấn đề xã hội, nâng cao hiệu quả quản lí nhà nước.

- Giữ vững ổn định chính trị, xã hội và củng cố quốc phòng, an ninh.

3. Trách nhiệm của công dân đối với chính sách an sinh xã hội

- Mỗi người dân cần có nhận thức đúng đắn về vai trò quan trọng của an sinh xã hội.
- Tuân thủ, chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước về an sinh xã hội.
- Ủng hộ những hành vi chấp hành chủ trương, chính sách pháp luật về an sinh xã hội.
- Phê phán những hành vi vi phạm quy định của pháp luật về an sinh xã hội.
- Tích cực tham gia và tuyên truyền, vận động mọi người thực hiện các chính sách về an sinh xã hội.

BÀI 5: LẬP KẾ HOẠCH KINH DOANH

1. Kế hoạch kinh doanh và sự cần thiết phải lập kế hoạch kinh doanh

a. Kế hoạch kinh doanh

Kế hoạch kinh doanh là bản phác thảo quá trình kinh doanh trong một khoảng thời gian nhất định.

b. Sự cần thiết phải lập kế hoạch kinh doanh

Giúp cho chủ thể kinh doanh nắm bắt được tình hình thực tế và đưa ra những định hướng trong tương lai từ đó nâng cao xác suất thành công trong hoạt động kinh doanh.

Giúp xác định được các mục tiêu, chiến lược, thị trường, khách hàng, đối thủ cạnh tranh, nội lực, đưa ra các phương hướng và phương thức thực hiện kinh doanh.

Xác định được những thiếu sót trong kinh doanh và những rủi ro có thể xảy ra.

Giúp chủ thể kinh doanh đưa ra những quyết định tốt hơn trong quá trình kinh doanh.

Giúp chủ thể kinh doanh tăng khả năng huy động vốn, mở rộng quy mô sx kinh doanh.

c. Nội dung của kế hoạch kinh doanh

Tóm tắt kế hoạch kinh doanh	Tên kế hoạch, ý tưởng kinh doanh, tổng quan về doanh nghiệp, đối tượng khách hàng, sản phẩm và dịch vụ; phân tích thị trường (đối thủ, điều kiện thuận lợi và khó khăn).
Định hướng ý tưởng KD	Xác định được tính khả thi của ý tưởng kinh doanh, mô tả sản phẩm dịch vụ, mô tả doanh nghiệp.
Mục tiêu kinh doanh	Các mong muốn, kỳ vọng đạt được trong một khoảng thời gian nhất định; mục tiêu và kế hoạch kinh doanh dài hạn, của từng thời kỳ.
Các điều kiện thực hiện hoạt động KD	Đánh giá thị trường: những điểm mạnh, điểm yếu, thuận lợi, khó khăn trong quá trình kinh doanh, khách hàng, mục tiêu, đối thủ cạnh tranh.
Chiến lược KD với chi tiết hoạt động và KH thực hiện HĐ	Chiến lược kinh doanh tổng thể nhằm đạt được mục tiêu đặt ra. Thực hiện các kế hoạch sản xuất/cung ứng dịch vụ; kế hoạch tổ chức vận hành, quản lí; kế hoạch marketing, KH tài chính, KH nhân sự.
Rủi ro tiềm ẩn và biện pháp xử lí	Nghiên cứu, phân tích đánh giá nguy cơ có khả năng xuất hiện, mức độ ảnh hưởng trong quá trình doanh nghiệp đưa ra biện pháp phòng ngừa và biện pháp xử lí phù hợp.

2. Các bước lập kế hoạch kinh doanh

Để lập được bản kế hoạch kinh doanh có chất lượng, đảm bảo cho việc kinh doanh thành công, cần thực hiện các bước cơ bản như sau:

<p>BUỐC 1: Xác định định hướng, ý tưởng kinh doanh</p>	<p>Giúp chủ thể kinh doanh xác định được những vấn đề cơ bản của kinh doanh: Kinh doanh cái gì?, Kinh doanh bằng cách nào?, Đối tượng khách hàng là ai?, Họ có nhu cầu gì?,...</p> <p>Nguồn để xác định ý tưởng kinh doanh từ lợi thế nội tại của chủ thể KD (đam mê, hiểu biết,...) và từ những cơ hội bên ngoài (nhu cầu mới chưa được đáp ứng,...).</p> <p>Lưu ý: Cần chú ý đến tính mới mẻ, sáng tạo, độc đáo, khả thi,...</p>
<p>BUỐC 2 Mục tiêu kinh doanh</p>	<p>Xác định nhiệm vụ doanh nghiệp cần phải hoàn thành, những kết quả cần đạt được trong những khoảng thời gian nhất định (ví dụ: tăng lợi nhuận trong năm đầu tiên là...%; doanh số bán hàng là...sản phẩm/tháng;...).</p> <p>Về thời gian, cần xác định các mục tiêu ngắn hạn, trung hạn, dài hạn.</p> <p>Ví dụ về mục tiêu KD: tăng trưởng doanh số, phát triển thương hiệu, mở rộng quy mô,...</p> <p>Lưu ý: Mục tiêu cần cụ thể, rõ ràng, phù hợp với điều kiện, khả thi, thiết thực,...</p>
<p>BUỐC 3: Các điều kiện thực hiện hoạt động KD</p>	<p>Để xác định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức đối với chủ thể trong kinh doanh thì cần phân tích các điều kiện như: sản phẩm, khách hàng, đối thủ cạnh tranh,...</p> <p>Lưu ý: Phân tích sản phẩm cần chú ý chất lượng, giá cả, tính năng,... Phân tích khách hàng cần quan tâm đến nhu cầu, thu nhập, độ tuổi, giới tính,... Phân tích điểm mạnh so với đối thủ cạnh tranh cần chỉ ra ưu thế vượt trội...</p>
<p>BUỐC 4: Chiến lược KD với chi tiết hoạt động và KH thực hiện hoạt động</p>	<p>Chiến lược kinh doanh là nội dung cơ bản của một kế hoạch kinh doanh gồm một chuỗi các biện pháp, cách thức của chủ thể kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả tối ưu. Chiến lược kinh doanh thể hiện mục tiêu chinh phục thị trường kinh doanh cụ thể. Sự thành bại của chiến lược sẽ tác động trực tiếp đến các kế hoạch kinh doanh cụ thể trong nội bộ đơn vị kinh doanh.</p> <p>Từ chiến lược kinh doanh, chủ thể kinh doanh cần phải xây dựng các kế hoạch cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kế hoạch sản xuất/cung cấp sản phẩm + Kế hoạch bán hàng, tiếp thị, quảng cáo + Kế hoạch tài chính + Kế hoạch phát triển kinh doanh + Kế hoạch nguồn nhân lực
<p>BUỐC 5: Rủi ro tiềm ẩn và biện pháp xử lý</p>	<p>Chủ thể kinh doanh cần đánh giá, nắm bắt, khai thác cơ hội để đạt được kết quả cao hơn trong kinh doanh (ví dụ cơ hội kinh doanh: sự gia tăng của thị trường, sự phát triển của khoa học công nghệ,...).</p> <p>Việc phân tích các rủi ro sẽ giúp doanh nghiệp có khả năng nhận biết (những rủi ro có thể gặp phải/những rủi ro có khả năng xảy ra) và đưa ra được các biện pháp/giải pháp xử lý phù hợp hoặc xây dựng phương án phòng ngừa và giải quyết. Từ đó, giảm thiểu thiệt hại và tăng cường hiệu quả hoạt động (ví dụ rủi ro: thiên tai, thay đổi về chính sách môi trường đầu tư kinh doanh, nhân sự,...)</p>

BÀI 6. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP

1. Khái niệm trách nhiệm xã hội và các hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội

a. Khái niệm trách nhiệm xã hội

Là toàn bộ trách nhiệm bắt buộc và tự nguyện mà một doanh nghiệp thực hiện đối với xã hội bằng những chính sách và việc làm cụ thể, mang lại những ảnh hưởng tích cực đến xã hội, cộng đồng, đóng góp cho việc thực hiện các mục tiêu xã hội và sự phát triển bền vững của quốc gia.

b. Các hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội

- **Trách nhiệm pháp lí:** Tuân thủ pháp luật về thuế, môi trường, bảo vệ người tiêu dùng và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- **Trách nhiệm đạo đức:** Thực hiện đạo đức kinh doanh, sản xuất sản phẩm, dịch vụ không gây hại cho xã hội và môi trường; đối xử công bằng, khách quan với người lao động.

- **Trách nhiệm nhân văn:** Tham gia các hoạt động thiện nguyện, nhân đạo, giúp đỡ những người trong cộng đồng có hoàn cảnh khó khăn; tham gia hoạt động công ích, đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, xã hội. (VD: xây dựng nhà tình thương, khám chữa bệnh miễn phí; góp quỹ xóa đói giảm nghèo, an sinh xã hội...)

- **Trách nhiệm kinh tế:** Đầu tư tối ưu quy trình vận hành dẫn đến tiết kiệm chi phí; sản xuất hàng hóa, dịch vụ mà xã hội cần với mức giá hợp lý; tạo việc làm cho người lao động với mức thu nhập xứng đáng; tạo cho họ cơ hội phát triển chuyên môn, nghề nghiệp; đảm bảo chất lượng an toàn sản phẩm cho người tiêu dùng.

(- Trách nhiệm kinh tế: đảm bảo kinh doanh hiệu quả, tạo việc làm, thu nhập ổn định và tạo cơ hội phát triển cho người lao động; cung ứng nhiều sản phẩm có chất lượng cho người tiêu dùng,...)

2. Ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

Thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp có ý nghĩa quan trọng đối với xã hội và doanh nghiệp:

* Đối với doanh nghiệp:

- Tránh được các vi phạm pháp luật về kinh tế, lao động, môi trường;
- Tạo động lực cho người lao động và thu hút được nguồn lao động giỏi.
- Giảm chi phí, tăng năng suất lao động, mở rộng thị phần; nâng cao thương hiệu và uy tín, tăng lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp..., nhờ đó doanh nghiệp ngày càng phát triển.

* Đối với xã hội:

Thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp góp phần:

- Thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước.
- Hỗ trợ cộng đồng vượt qua khó khăn, thách thức (như đói nghèo, dịch bệnh, khủng hoảng kinh tế, thiên tai...) giúp ổn định cuộc sống.
- Bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

3. Trách nhiệm của công dân khi tham gia điều hành doanh nghiệp

- Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, thuế và các quy định khác của pháp luật.

- Cùng tập thể lãnh đạo xây dựng chính sách, kế hoạch thực hiện trách nhiệm với cộng đồng phù hợp với điều kiện và khả năng của doanh nghiệp.

- Bảo đảm quyền lợi chính đáng của người lao động với mức lương tương xứng, bình đẳng và điều kiện lao động an toàn, thoải mái, bảo đảm sức khỏe;

- Đảm bảo chất lượng sản phẩm, lợi ích của người tiêu dùng và bảo vệ uy tín của doanh nghiệp;

- Mở rộng quan hệ hợp tác, đầu tư cùng có lợi với các đối tác.

- Phê phán những biểu hiện thiếu trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp khác.

(* Những biểu hiện vi phạm trách nhiệm xã hội của một số doanh nghiệp: Hoạt động sản xuất của công ty gây ô nhiễm môi trường, không trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho công nhân, không tuân thủ các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, sử dụng sản phẩm nhập lậu không rõ nguồn gốc xuất xứ, trốn thuế,...)

BÀI 7. QUẢN LÝ THU, CHI TRONG GIA ĐÌNH

1. KHÁI NIỆM VÀ SỰ CẦN THIẾT PHẢI QUẢN LÝ THU, CHI TRONG GIA ĐÌNH

a. Khái niệm quản lý thu chi trong gia đình

Quản lý thu, chi là việc cân đối các khoản thu và chi nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất, tinh thần cho các thành viên gia đình có tính đến rủi ro và mục tiêu tài chính.

b. Sự cần thiết phải quản lý thu chi trong gia đình

*** Đối với gia đình**

- Kiểm soát và cân đối được nguồn thu, chi trong gia đình.

- Chủ động ứng phó với những tình huống rủi ro có thể xảy ra trong gia đình.

- Nâng cao chất lượng cuộc sống gia đình.

- Theo dõi và điều chỉnh những thói quen chi tiêu không tích cực để đạt được mục tiêu tài chính trong gia đình.

*** Đối với các thành viên:** Chủ động thực hiện kế hoạch thu, chi của gia đình.

2. Thói quen chi tiêu và các mục tiêu tài chính của gia đình

- Thói quen chi tiêu trong gia đình:

+ Chi tiêu thiết yếu: là khoản chi tiêu thường xuyên cho nhu cầu sống của gia đình như ăn uống nhà ở đi lại học tập). Thói quen này giúp cho mỗi gia đình luôn chủ động trong cuộc sống và thực hiện được các mục tiêu tài chính.

+ Chi tiêu không thiết yếu: là khoản chi cho các sản phẩm mong muốn khi có đủ thu nhập như: sản phẩm xa xỉ, các dịch vụ giải trí ...).

- Mục tiêu tài chính: Tiết kiệm, đầu tư, khoản nợ, phòng ngừa rủi ro.

- Đánh giá được ưu điểm, hạn chế trong thói quen chi tiêu và mục tiêu tài chính của bản thân và các thành viên trong gia đình để từ đó có thể lập và thực hiện được kế hoạch thu, chi hợp lý trong gia đình.

3. Xây dựng và thực hiện kế hoạch thu, chi hợp lý

*** Bước 1:** Xác định mục tiêu tài chính trong gia đình và thời gian thực hiện.

- Giúp gia đình thiết lập được mục tiêu tài chính trong tương lai

- Liệt kê tất cả các mục tiêu tài chính của gia đình, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên, phân thành mục tiêu ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.

Lưu ý: Mục tiêu phải cụ thể, khả thi, đo lường được và thời hạn hoàn thành.

*** Bước 2:** Liệt kê các nguồn thu nhập trong gia đình.

- Giúp gia đình nắm rõ tình hình tài chính gia đình để làm cơ sở phân chia tỉ lệ chi tiêu và mục tiêu tài chính.

- Thống kê các khoản thu nhập của gia đình

Lưu ý: Kiểm tra, xem xét ngân sách gia đình thường xuyên, duy trì và tăng trưởng thu nhập.

*** Bước 3:** Trao đổi giữa các thành viên về các khoản chi

- Giúp mọi người hiểu được nhu cầu thiết yếu, không thiết yếu của gia đình và các thành viên.

- Liệt kê và ưu tiên các khoản chi tiêu thiết yếu là các khoản chi tiêu thường xuyên cho nhu cầu sống của gia đình như ăn uống, điện, nước, đi lại, học phí.

- Điều chỉnh và cắt giảm các khoản chi tiêu không thiết yếu và là các khoản chi cho các sản phẩm mong muốn khi có đủ thu nhập như sản phẩm xa xỉ, giải trí...

Lưu ý cần lắng nghe phân tích và cân đối nhu cầu của các thành viên trong gia đình.

* Bước 4: Thống nhất giữa các thành viên về tỉ lệ phân chia khoản chi.

- Giúp gia đình kiểm soát được các khoản chi mà vẫn đảm bảo mục tiêu đã đề ra.

- Tỷ lệ bao nhiêu cho chi tiêu thiết yếu, bao nhiêu cho chi tiêu không thiết yếu và các mục tiêu tài chính.

- Tỷ lệ 50% cho nhu cầu thiết yếu, 30% cho mục tiêu tài chính, 20% cho nhu cầu không thiết yếu.

Lưu ý: ưu tiên cho những nhu cầu thiết yếu và mục tiêu tài chính.

* Bước 5: Thực hiện các khoản thu, chi theo kế hoạch; ghi chép, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch nếu có

- Giúp Gia đình theo dõi được quá trình thực hiện kế hoạch và có những điều chỉnh phù hợp cho tương lai.

- Ghi chép chi tiết quá trình thu, chi; đánh giá; điều chỉnh kế hoạch thu chi trong gia đình.

Lưu ý: thực hiện theo đúng kế hoạch, không nên thực hiện quá nhiều mục tiêu trong một thời điểm; điều chỉnh những điểm phát sinh hoặc chưa hợp lý; sử dụng các công cụ hỗ trợ để quản lý thu, chi trong gia đình.

BỘ MÔN GDKT&PL